TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 30-01-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc**
Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thuý V**, sinh năm 1992;
Địa chỉ: đường L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Quang Th**, sinh năm 1991;
Địa chỉ: đường L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thuý V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quang Th sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đến ngày 27/12/2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở xã Đ và thuê mặt bằng kinh doanh quán bida. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không chịu làm ăn, ham chơi bời và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ

chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2020, vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2021, anh Th vi phạm pháp luật và bị kết 14 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam H, địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh B. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quang Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Th không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Th không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2025, bị đơn anh Phạm Quang Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thuý V đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/12/2017. Quá trình chung sống thì vợ chồng cũng có thời gian hạnh phúc. Sau đó, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cải vã, xung đột, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Vân.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị V không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị V không có nợ chung.

Do bị đơn anh Th có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải. Mặt khác, nguyên đơn chị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Th. Chị và anh Th không có con chung. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Th không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thuý V và anh Phạm Quang Th được ly hôn. Chị V và anh Th không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung: không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Th, anh Th có hộ khẩu thường trú tại đường L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo thủ tục chung.

2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Th đã được UBND thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2017 ngày 27/12/2017. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị V, anh Th là hợp pháp.

Theo tài liệu có trong hồ sơ, cả chị V và anh Th đều cho rằng quá trình chung sống thì vợ chồng không hạnh phúc, hay xảy ra xung đột, cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Năm 2021, anh Thái vi phạm pháp luật và bị kết án 14 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam H. Chị V yêu cầu ly hôn thì anh Th cũng đồng ý.

Như vậy, trước khi anh Th đi chấp hành án, trong quá trình chung sống vợ chồng thì giữa chị V và anh Th phát sinh mẫu thuẫn là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, chị V vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, về phía anh Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của nguyên đơn, cho chị V và anh Th được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Cả chị V và anh Th đều xác nhận, quá trình chung sống không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị V, anh Th đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị V phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi. bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thuý V đối với bị đơn anh Phạm Quang Th.

Cho chị Nguyễn Thuý V và anh Phạm Quang Th được ly hôn.

2. Về con chung: Chị V và anh Th đều xác nhận quá trình chung sống không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thuý V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0009252 ngày 25/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng (chị Vân đã nộp đủ). Anh Phạm Quang Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng;
- UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn

